

## PHÂN TÍCH CƠ CHẾ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ TỰ CHỦ GIÁO DỤC NGHIÊN CỨU SO SÁNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC GIỮA PHÁP VÀ VIỆT NAM

Vũ Thị Bích<sup>1</sup>

**Tóm tắt.** Tại Pháp, hệ thống kiểm định chất lượng được tổ chức độc lập, minh bạch, và hiệu quả, với các tiêu chí phù hợp chuẩn quốc tế. Các trường đại học được trao quyền tự chủ cao về học thuật, tài chính, nhân sự, và tổ chức, giúp nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực nghiên cứu, và khả năng thích ứng với yêu cầu thị trường. Tại Việt Nam, dù đã có cải cách trong kiểm định và tự chủ giáo dục, hệ thống vẫn gặp nhiều thách thức như thiếu tính độc lập, nguồn lực hạn chế, và sự phụ thuộc vào cơ quan quản lý nhà nước. Nghiên cứu đề xuất Việt Nam học hỏi kinh nghiệm từ Pháp để cải thiện hệ thống kiểm định, tăng cường tự chủ giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Kiểm định chất lượng; tự chủ giáo dục; quản lý giáo dục; giáo dục Đại học.

### 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, giáo dục đại học đã trở thành động lực quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Các quốc gia trên thế giới đều nhận thức được rằng việc đảm bảo chất lượng giáo dục và tăng cường tự chủ trong hệ thống giáo dục đại học là yếu tố thiết yếu để đáp ứng yêu cầu của thời đại mới. Đây không chỉ là vấn đề nội tại của mỗi quốc gia mà còn là thước đo quan trọng trong việc khẳng định vị thế quốc tế.

Pháp, với truyền thống giáo dục lâu đời, đã xây dựng được một hệ thống giáo dục đại học tiên tiến, trong đó kiểm định chất lượng và tự chủ giáo dục được xem là hai trụ cột quan trọng. Hệ thống kiểm định chất lượng tại Pháp được tổ chức độc lập, minh bạch và hiệu quả, đồng thời được hỗ trợ bởi khung pháp lý vững chắc và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng. Song hành với đó, các trường đại học tại Pháp được trao quyền tự chủ cao trong các lĩnh vực như học thuật, tài chính và nhân sự, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với những thay đổi của môi trường bên ngoài. Sự kết hợp chặt chẽ giữa kiểm định chất lượng và tự chủ giáo dục không chỉ giúp nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng thương hiệu giáo dục quốc gia [14].

Trong khi đó, tại Việt Nam, giáo dục đại học đang trải qua quá trình cải cách sâu rộng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý. Đặc biệt, việc xây dựng cơ chế kiểm định chất lượng và thúc đẩy tự chủ giáo dục đã được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để phát triển hệ thống giáo dục đại học hiện đại. Tuy nhiên, quá trình này vẫn đối mặt với nhiều thách thức như khung pháp lý chưa đồng bộ, năng lực quản lý còn hạn chế và sự thiếu hụt nguồn lực về tài chính cũng như nhân sự [3]. Thực tiễn cho thấy, mặc dù Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể, nhưng các cơ sở giáo dục đại học trong nước vẫn chưa đạt được sự tự chủ thực sự, và hệ thống kiểm định chất lượng vẫn cần được củng cố để đạt chuẩn quốc tế. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến như Pháp.

Sự khác biệt về lịch sử, văn hóa, chính trị và kinh tế giữa Pháp và Việt Nam đã tạo nên những đặc thù riêng biệt trong cách thức quản lý giáo dục đại học của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, việc phân tích, so sánh hai

---

Ngày nhận bài: 07/01/2025. Ngày chỉnh sửa: 18/02/2025. Ngày nhận đăng: 24/02/2025.

<sup>1</sup> Phòng Quản lý Đào tạo - Giáo dục chính trị và Công tác sinh viên, Học viện Quản lý giáo dục  
Tác giả liên hệ: Vũ Thị Bích. Địa chỉ e-mail: [bichvuthi1502@gmail.com](mailto:bichvuthi1502@gmail.com)

hệ thống này có thể mang lại những bài học giá trị và đề xuất khả thi cho Việt Nam trong việc cải thiện hiệu quả quản lý giáo dục đại học.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Cơ chế kiểm định chất lượng và tự chủ giáo dục đại học tại Pháp và Việt Nam; Các yếu tố pháp lý, tổ chức, và thực tiễn liên quan đến quản lý giáo dục đại học.

Giới hạn nghiên cứu: Về thời gian: Nghiên cứu tập trung vào các chính sách và kết quả thực hiện trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay; Về không gian: Nghiên cứu so sánh giữa hai hệ thống giáo dục đại học ở Pháp và Việt Nam, với sự nhấn mạnh vào bối cảnh kinh tế, văn hóa, và chính trị của từng quốc gia.

### 2.2. Phương thức tổ chức triển khai thực hiện

#### *Phương pháp*

Phương pháp so sánh (comparative analysis): So sánh các khía cạnh chính của kiểm định chất lượng và tự chủ giáo dục giữa Pháp và Việt Nam.

Phân tích tài liệu (document analysis): Nghiên cứu các văn bản pháp lý, chính sách, và báo cáo liên quan đến giáo dục đại học tại hai quốc gia.

Phỏng vấn chuyên gia: Thu thập ý kiến từ các chuyên gia trong lĩnh vực quản lý giáo dục đại học ở Pháp và Việt Nam.

#### *Quy trình thực hiện*

Thu thập và tổng hợp tài liệu: Các văn bản pháp lý, báo cáo kiểm định chất lượng và các nghiên cứu liên quan.

Phân tích các yếu tố cấu thành cơ chế kiểm định chất lượng và tự chủ giáo dục tại từng quốc gia.

Thực hiện phỏng vấn chuyên gia và phân tích dữ liệu thu thập được.

So sánh và rút ra các bài học kinh nghiệm.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Cơ chế kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Pháp và Việt Nam

#### *Hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Pháp*

Tại Pháp, kiểm định chất lượng giáo dục đại học được tổ chức một cách bài bản, minh bạch và mang tính hệ thống. Cơ chế này được xây dựng dựa trên các khung pháp lý và chiến lược quốc gia về giáo dục đại học, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh quốc tế.

Một trong những đặc điểm nổi bật của cơ chế kiểm định tại Pháp là sự hiện diện của các tổ chức độc lập, mà tiêu biểu là Hội đồng Đánh giá Nghiên cứu và Giáo dục Đại học (High Council for Evaluation of Research and Higher Education - HCERES). HCERES chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá và kiểm định các cơ sở giáo dục đại học, các chương trình đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học. Sự độc lập của HCERES đảm bảo tính khách quan và minh bạch trong quá trình kiểm định, giúp các trường đại học có cơ hội đánh giá đúng thực trạng và tìm ra các giải pháp cải thiện phù hợp.

HCERES thực hiện kiểm định dựa trên một hệ thống tiêu chí được quy định rõ ràng, bao gồm: chất lượng giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học, sự phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu xã hội, khả năng đáp ứng thị trường lao động, và mức độ quốc tế hóa của các cơ sở giáo dục. Ngoài ra, HCERES còn chú trọng đến việc đánh giá hiệu quả quản lý, chiến lược phát triển và sự gắn kết giữa các cơ sở giáo dục với các bên liên quan, như doanh nghiệp và cộng đồng.

Bên cạnh HCERES, Pháp còn có các tổ chức chuyên ngành thực hiện kiểm định các lĩnh vực cụ thể, chẳng hạn như các trường kỹ thuật, y tế và nghệ thuật. Việc phân công trách nhiệm kiểm định theo lĩnh vực

chuyên môn không chỉ đảm bảo tính chuyên sâu mà còn tạo ra sự đa dạng trong cách tiếp cận, phù hợp với đặc thù của từng ngành học [11].

Quy trình kiểm định tại Pháp thường bao gồm các giai đoạn chính: tự đánh giá, đánh giá bên ngoài, và công bố kết quả. Trong đó, giai đoạn tự đánh giá đóng vai trò trung tâm, yêu cầu các cơ sở giáo dục tự nhận diện điểm mạnh, điểm yếu và đề xuất các chiến lược cải tiến. Giai đoạn đánh giá bên ngoài do các chuyên gia độc lập thực hiện, nhằm xác thực thông tin và đưa ra các khuyến nghị cụ thể. Kết quả kiểm định được công bố rộng rãi, góp phần tạo nên sự minh bạch và khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các trường đại học.

*Hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Việt Nam*

Tại Việt Nam, kiểm định chất lượng giáo dục đại học là một lĩnh vực còn khá mới mẻ, được chính thức triển khai mạnh mẽ từ đầu những năm 2000. Đây là một phần quan trọng trong chiến lược đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học, với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, hội nhập quốc tế và đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế - xã hội.

Cơ chế kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Việt Nam được tổ chức dưới sự quản lý trực tiếp của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đây là nơi ban hành các tiêu chuẩn kiểm định, quy trình thực hiện và giám sát kết quả kiểm định tại các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khách quan, các hoạt động đánh giá thường được thực hiện bởi các trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục độc lập, được cấp phép bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hệ thống kiểm định tại Việt Nam hiện tại bao gồm hai cấp độ chính: kiểm định cơ sở giáo dục và kiểm định chương trình đào tạo. Kiểm định cơ sở giáo dục tập trung vào việc đánh giá tổng thể các yếu tố như sứ mạng, chiến lược phát triển, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, và hiệu quả hoạt động của nhà trường. Trong khi đó, kiểm định chương trình đào tạo chú trọng đến nội dung, cấu trúc và chất lượng của từng chương trình cụ thể, đảm bảo tính phù hợp với chuẩn đầu ra và nhu cầu xã hội [8].

Quy trình kiểm định tại Việt Nam cũng bao gồm các bước tương tự như tại Pháp, bao gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận kết quả. Tuy nhiên, thách thức lớn đối với hệ thống kiểm định tại Việt Nam là việc triển khai chưa đồng bộ giữa các vùng miền và các loại hình cơ sở giáo dục. Ngoài ra, nguồn lực dành cho kiểm định, cả về nhân sự và tài chính, còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của các hoạt động đánh giá [8].

*So sánh cơ chế kiểm định tại Pháp và Việt Nam*

*Bảng 1. So sánh cơ chế kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Pháp và Việt Nam*

Tiêu chí	Pháp	Việt Nam
Tổ chức thực hiện	Hệ thống tổ chức độc lập (HCERES và các tổ chức chuyên ngành), đảm bảo tính khách quan.	Các trung tâm kiểm định độc lập nhưng chịu sự quản lý trực tiếp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Tiêu chí kiểm định	Dựa trên chuẩn quốc tế, chú trọng năng lực nghiên cứu, chất lượng đào tạo, và quốc tế hóa.	Mang tính nội địa, ít gắn kết với chuẩn mực quốc tế, tập trung vào yêu cầu nội bộ.
Quy trình kiểm định	Minh bạch, gồm tự đánh giá, đánh giá ngoài, công bố kết quả công khai.	Tương tự Pháp nhưng triển khai chưa đồng bộ, thiếu minh bạch ở một số khâu.
Nguồn lực	Được trang bị đầy đủ về tài chính, nhân lực và công nghệ.	Thiếu hụt nguồn lực, đặc biệt tại các cơ sở giáo dục ở vùng sâu, vùng xa.
Mức độ độc lập	Độc lập cao, ít chịu sự can thiệp của chính phủ.	Tính độc lập chưa cao, chịu sự chi phối lớn từ cơ quan quản lý nhà nước.
Mục tiêu kiểm định	Đáp ứng nhu cầu quốc tế, tạo thương hiệu giáo dục quốc gia.	Đáp ứng yêu cầu đổi mới nội bộ, hội nhập quốc tế còn hạn chế.

Hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Pháp và Việt Nam phản ánh hai cách tiếp cận khác nhau, phù hợp với điều kiện và bối cảnh của từng quốc gia. Mặc dù Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể, nhưng vẫn cần học hỏi kinh nghiệm từ Pháp trong việc xây dựng các tổ chức kiểm định độc lập, nâng cao năng lực chuyên môn và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế. Những cải tiến này không chỉ giúp cải thiện chất lượng giáo dục mà còn nâng cao vị thế của các trường đại học Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

### 3.2. Mức độ tự chủ giáo dục đại học tại Pháp và Việt Nam

#### *Mức độ tự chủ giáo dục đại học tại Pháp*

Tự chủ học thuật: Về học thuật, các trường đại học tại Pháp có quyền tự do xây dựng chương trình đào tạo, lựa chọn phương pháp giảng dạy và triển khai nghiên cứu khoa học. Mặc dù các chương trình đào tạo phải tuân thủ khung pháp lý quốc gia về giáo dục, các trường được trao quyền lớn trong việc thiết kế nội dung giảng dạy, cấu trúc chương trình và phương pháp đánh giá. Điều này cho phép các cơ sở giáo dục linh hoạt điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và thích ứng với sự thay đổi của môi trường xã hội. Các trường đại học Pháp cũng được khuyến khích tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các chương trình liên kết đào tạo và nghiên cứu với các tổ chức giáo dục nước ngoài. Sự tự chủ học thuật này không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo mà còn góp phần quốc tế hóa hệ thống giáo dục đại học tại Pháp [13].

Tự chủ tài chính: Về tài chính, các trường đại học tại Pháp có quyền tự quản lý ngân sách được cấp bởi nhà nước và các nguồn thu khác như học phí, tài trợ từ doanh nghiệp, và nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu. Mặc dù nguồn kinh phí chính vẫn đến từ ngân sách nhà nước, các trường có quyền quyết định việc phân bổ và sử dụng nguồn lực này để đáp ứng các mục tiêu phát triển. Điểm đáng chú ý là các trường đại học tại Pháp có quyền tự chủ trong việc thiết lập mức học phí cho một số chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình quốc tế hoặc đào tạo sau đại học. Tuy nhiên, việc này được thực hiện dưới sự giám sát của chính phủ nhằm đảm bảo tính công bằng trong giáo dục [9].

Tự chủ nhân sự: Về nhân sự, các trường đại học tại Pháp được trao quyền tự chủ trong việc tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ, giảng viên. Quyền tự chủ này cho phép các trường thu hút những nhân tài xuất sắc, đáp ứng các yêu cầu về giảng dạy và nghiên cứu. Tuy nhiên, quy trình tuyển dụng tại các trường công lập vẫn phải tuân theo các quy định của nhà nước nhằm đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

Tự chủ tổ chức: Về tổ chức, các trường đại học tại Pháp được phép tự quyết định cấu trúc quản lý nội bộ, bao gồm việc thành lập các hội đồng, phòng ban và đơn vị nghiên cứu. Chính phủ chỉ can thiệp ở mức độ cần thiết để đảm bảo sự tuân thủ các quy định chung [10].

#### *Mức độ tự chủ giáo dục đại học tại Việt Nam*

Tự chủ học thuật: Về học thuật, các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam có quyền xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức các hoạt động giảng dạy, nhưng vẫn phải tuân thủ khung chương trình và các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Điều này làm giảm tính linh hoạt và sáng tạo trong việc thiết kế chương trình, đặc biệt là trong việc đáp ứng các yêu cầu cụ thể của thị trường lao động và các ngành công nghiệp. Mặt khác, việc triển khai các chương trình liên kết quốc tế và nghiên cứu hợp tác cũng gặp nhiều trở ngại do thủ tục hành chính phức tạp và sự hạn chế trong việc tự quyết định của các trường đại học [8].

*Bảng 2. So sánh mức độ tự chủ giáo dục đại học tại Pháp và Việt Nam*

Tiêu chí	Pháp	Việt Nam
Tự chủ học thuật	Linh hoạt thiết kế chương trình, hợp tác quốc tế mạnh mẽ.	Tuân thủ khung chương trình Bộ Giáo dục và Đào tạo, ít linh hoạt, thủ tục hành chính phức tạp.
Tự chủ tài chính	Tự quyết ngân sách, thiết lập học phí trong giới hạn.	Phụ thuộc ngân sách nhà nước, học phí bị kiểm soát, quản lý tài chính hạn chế.
Tự chủ nhân sự	Tự do tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá nhân sự.	Quyền hạn hạn chế, chịu phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước.
Tự chủ tổ chức	Tự quyết cơ cấu tổ chức nội bộ, thành lập đơn vị nghiên cứu.	Phụ thuộc sự phê duyệt của nhà nước, ít linh hoạt trong thay đổi cơ cấu tổ chức.

Tự chủ tài chính: Về tài chính, các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào nguồn ngân sách nhà nước. Mặc dù chính phủ đã có những chính sách khuyến khích các trường tự chủ tài chính thông qua việc tăng nguồn thu từ học phí và hợp tác với doanh nghiệp, nhưng năng lực quản lý tài chính tại nhiều trường còn yếu, dẫn đến việc sử dụng nguồn lực chưa hiệu quả. Ngoài ra, mức học phí tại các trường công lập vẫn bị kiểm soát bởi nhà nước, gây khó khăn cho các trường trong việc cân đối nguồn thu và đầu tư phát triển.

Tự chủ nhân sự: Về nhân sự, các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam có quyền hạn chế trong việc tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá giảng viên, cán bộ. Hầu hết các quyết định quan trọng liên quan đến nhân sự đều phải thông qua sự phê duyệt của các cơ quan quản lý, làm giảm tính linh hoạt trong việc xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao.

Tự chủ tổ chức: Về tổ chức, các trường đại học tại Việt Nam vẫn chịu sự kiểm soát lớn từ các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức, thành lập các đơn vị mới hoặc triển khai các dự án nghiên cứu. Điều này làm hạn chế khả năng tự điều chỉnh để thích ứng với sự thay đổi của môi trường bên ngoài [5].

### 3.3. So sánh điểm tương đồng và khác biệt trong cơ chế kiểm định chất lượng và mức độ tự chủ giáo dục đại học giữa Pháp và Việt Nam

*Bảng 3. So sánh cơ chế kiểm định chất lượng và mức độ tự chủ giáo dục đại học giữa Pháp và Việt Nam*

Tiêu chí	Pháp	Việt Nam
Mục tiêu kiểm định chất lượng	Đảm bảo chất lượng đào tạo, nâng cao thương hiệu quốc gia, phục vụ hội nhập quốc tế.	Cải thiện chất lượng nội bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập khu vực.
Tổ chức kiểm định	Tổ chức kiểm định độc lập (như HCERES), hoạt động khách quan, không chịu sự chi phối trực tiếp từ nhà nước.	Các trung tâm kiểm định độc lập, chịu sự quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Quy trình kiểm định	Minh bạch, rõ ràng: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công khai kết quả.	Quy trình tương tự nhưng còn thiếu đồng bộ và chưa minh bạch ở một số khâu.
Tự chủ học thuật	Linh hoạt trong thiết kế chương trình đào tạo, chú trọng hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học.	Chịu sự ràng buộc bởi khung chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, ít linh hoạt hơn.
Tự chủ tài chính	Quyền tự quyết về ngân sách và quản lý nguồn lực, mức học phí được điều chỉnh linh hoạt.	Phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, mức học phí bị kiểm soát chặt chẽ.
Tự chủ nhân sự	Tự do tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá giảng viên, cán bộ.	Quyền hạn trong tuyển dụng và quản lý nhân sự bị giới hạn, chịu sự phê duyệt từ cấp trên.
Tự chủ tổ chức	Quyền quyết định cấu trúc tổ chức nội bộ, thành lập các đơn vị mới theo nhu cầu phát triển.	Cơ cấu tổ chức chịu sự quản lý và phê duyệt từ cơ quan quản lý nhà nước.
Nguồn lực hỗ trợ	Đầy đủ về tài chính, nhân lực, và công nghệ, đảm bảo các trường thực hiện quyền tự chủ hiệu quả.	Hạn chế nguồn lực, đặc biệt tại các trường ở vùng sâu, vùng xa, gây khó khăn trong việc thực thi tự chủ.
Mức độ giám sát nhà nước	Nhà nước giám sát thông qua khung pháp lý, ít can thiệp trực tiếp vào hoạt động nội bộ.	Nhà nước can thiệp trực tiếp nhiều, hạn chế tính tự chủ của các trường.

#### *Điểm tương đồng*

Vai trò của kiểm định chất lượng: Cả Pháp và Việt Nam đều xem kiểm định chất lượng là công cụ quan trọng để đảm bảo uy tín của hệ thống giáo dục đại học. Quy trình kiểm định đều bao gồm các bước tự đánh giá, đánh giá ngoài, và công bố kết quả nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Tự chủ giáo dục: Hai quốc gia thừa nhận tự chủ giáo dục đại học là yếu tố thiết yếu để cải thiện chất lượng đào tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

#### *Điểm khác biệt*

Cơ chế tổ chức: Tại Pháp, các tổ chức kiểm định hoạt động độc lập, không chịu sự chi phối trực tiếp từ nhà nước, tạo điều kiện cho việc đánh giá khách quan. Ngược lại, tại Việt Nam, các trung tâm kiểm định vẫn chịu sự quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, làm giảm tính độc lập trong hoạt động.

Tự chủ học thuật: Các trường đại học tại Pháp có sự linh hoạt cao trong việc thiết kế và triển khai chương trình đào tạo, trong khi tại Việt Nam, các trường bị ràng buộc bởi các quy định chặt chẽ từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, hạn chế sự sáng tạo.

Tự chủ tài chính: Hệ thống giáo dục đại học tại Pháp được hỗ trợ bởi các nguồn lực đầy đủ, các trường

có quyền tự quyết về tài chính. Ở Việt Nam, việc phụ thuộc vào ngân sách nhà nước và sự kiểm soát chặt chẽ về học phí làm giảm khả năng tự chủ tài chính của các trường.

Nguồn lực hỗ trợ: Pháp có điều kiện tốt hơn trong việc cung cấp nguồn lực tài chính, nhân sự và công nghệ cho các trường đại học, trong khi Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là tại các khu vực kinh tế khó khăn.

Mức độ giám sát nhà nước: Tại Pháp, chính phủ đóng vai trò định hướng và hỗ trợ, còn tại Việt Nam, sự giám sát và can thiệp trực tiếp của các cơ quan quản lý vẫn còn lớn, hạn chế khả năng tự quyết của các trường.

Bảng so sánh trên phản ánh rõ nét sự khác biệt về mức độ tự chủ và cơ chế kiểm định giữa Pháp và Việt Nam, đồng thời cho thấy những hạn chế cần khắc phục trong hệ thống giáo dục đại học tại Việt Nam. Việc học hỏi kinh nghiệm từ mô hình Pháp có thể giúp Việt Nam hoàn thiện các chính sách quản lý, nâng cao tính hiệu quả và tự chủ của hệ thống giáo dục, từ đó đáp ứng tốt hơn các yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.

### 3.4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Tăng cường tính độc lập trong cơ chế kiểm định chất lượng: Một trong những điểm mạnh của hệ thống giáo dục đại học tại Pháp là tính độc lập cao của các tổ chức kiểm định, đặc biệt là HCERES, tổ chức kiểm định độc lập chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng giáo dục mà không bị chi phối trực tiếp từ nhà nước. Giúp đảm bảo tính khách quan và minh bạch trong quá trình kiểm định chất lượng. Việt Nam có thể học hỏi mô hình này bằng cách xây dựng các tổ chức kiểm định độc lập, có khả năng hoạt động tự chủ và minh bạch hơn, đồng thời đảm bảo các tổ chức này hoạt động dưới sự giám sát và điều chỉnh của một khung pháp lý rõ ràng.

Tăng cường quyền tự chủ học thuật cho các cơ sở giáo dục đại học: Tự chủ học thuật là yếu tố quan trọng để các trường đại học có thể phát huy sáng tạo, linh hoạt và phản ứng kịp thời với nhu cầu của thị trường lao động cũng như xu hướng giáo dục toàn cầu. Tại Pháp, các trường đại học được quyền tự do thiết kế chương trình đào tạo, lựa chọn phương pháp giảng dạy và nghiên cứu, điều này giúp các trường dễ dàng thích ứng với sự thay đổi của xã hội và quốc tế. Trong khi đó, tại Việt Nam, các trường đại học vẫn phải tuân thủ các quy định và khung chương trình cứng nhắc từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, hạn chế sự sáng tạo và khả năng thích ứng của các cơ sở giáo dục với môi trường học thuật quốc tế. Việt Nam cần nghiên cứu và điều chỉnh các chính sách về tự chủ học thuật, đồng thời tạo ra cơ chế linh hoạt để các trường đại học có thể tự quyết định chương trình giảng dạy, cải tiến phương pháp giảng dạy và tăng cường hợp tác quốc tế.

Nâng cao tự chủ tài chính và khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan: Một bài học quan trọng từ hệ thống giáo dục đại học của Pháp là quyền tự chủ tài chính mà các trường đại học được hưởng, bao gồm việc tự quyết định ngân sách, học phí và các nguồn tài trợ khác. Trong khi đó, tại Việt Nam, các trường đại học vẫn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước và các khoản học phí có sự quản lý chặt chẽ từ chính phủ, điều này làm giảm khả năng chủ động trong quản lý tài chính. Việt Nam cần thực hiện các biện pháp tạo điều kiện cho các trường đại học tăng cường tự chủ tài chính, khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp và tổ chức phi chính phủ trong việc tài trợ cho các dự án nghiên cứu và phát triển. Hơn nữa, việc cho phép các trường đại học tự quyết định mức học phí hợp lý cũng là một cách để tạo ra sự linh hoạt tài chính và thúc đẩy chất lượng đào tạo.

Xây dựng hệ thống quản lý nhân sự hiệu quả và minh bạch: Ở Pháp, các trường đại học có quyền tự do tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá nhân sự, giúp các cơ sở giáo dục thu hút được những nhân tài xuất sắc và nâng cao chất lượng giảng dạy. Trong khi đó, tại Việt Nam, việc tuyển dụng và quản lý nhân sự trong các trường đại học còn chịu nhiều sự can thiệp và phê duyệt từ các cơ quan nhà nước. Điều này làm giảm tính linh hoạt và hiệu quả trong việc xây dựng đội ngũ giảng viên chất lượng cao. Việt Nam cần học hỏi từ Pháp trong việc xây dựng một hệ thống tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự minh bạch, đồng thời tạo ra một môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo và phát triển nghề nghiệp của giảng viên, cán bộ. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục cần phải chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá cán bộ giảng dạy để đảm bảo

chất lượng nguồn nhân lực.

Tăng cường sự giám sát của nhà nước một cách có chiến lược: Dù các trường đại học tại Pháp có quyền tự chủ cao, nhưng nhà nước vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập các khung pháp lý và định hướng phát triển giáo dục. Nhà nước giám sát hoạt động của các trường đại học thông qua các chỉ tiêu chất lượng, đồng thời hỗ trợ các trường trong việc thực hiện các mục tiêu dài hạn. Việt Nam cần xây dựng một hệ thống giám sát giáo dục đại học hiệu quả, không chỉ nhằm đảm bảo chất lượng mà còn để khuyến khích sự đổi mới sáng tạo và tự chủ. Tuy nhiên, sự giám sát này cần được thực hiện một cách linh hoạt và không can thiệp quá sâu vào các hoạt động nội bộ của các trường đại học.

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích và so sánh cơ chế kiểm định chất lượng và mức độ tự chủ giáo dục đại học giữa Pháp và Việt Nam, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị cho việc phát triển hệ thống giáo dục đại học tại Việt Nam. Cả hai quốc gia đều xác định kiểm định chất lượng và tự chủ giáo dục đại học là những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, nhưng thực tế triển khai ở mỗi quốc gia lại có những điểm khác biệt rõ rệt, phản ánh bối cảnh chính trị, kinh tế và xã hội của từng quốc gia.

Từ những phân tích và so sánh trên, có thể thấy rằng, để hệ thống giáo dục đại học tại Việt Nam phát triển bền vững và hội nhập hiệu quả với thế giới, việc tăng cường tự chủ cho các trường đại học là điều kiện tiên quyết. Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về tự chủ giáo dục đại học, đồng thời xây dựng các cơ chế kiểm định chất lượng độc lập và minh bạch hơn. Đặc biệt, việc khuyến khích sự sáng tạo, đổi mới trong quản lý và đào tạo tại các trường đại học cần được ưu tiên, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Nhìn chung, việc học hỏi và áp dụng những bài học kinh nghiệm từ các quốc gia có nền giáo dục phát triển như Pháp sẽ giúp Việt Nam hoàn thiện hệ thống giáo dục đại học của mình, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển đất nước trong tương lai.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đặng Ứng Vận, Tạ Thị Thu Hiền (2018). Kiểm định chất lượng giáo dục và tự chủ đại học. *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 2018, vol. 1, p. 84-95.
- [2] Phạm Đỗ Nhật Tiến (2018). Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học. *Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam*.
- [3] Nguyễn Anh Tuấn (2022). Đánh giá về thực trạng và quy luật tự chủ đại học tại Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 2022, vol. 22, no 3, p. 49-53.
- [4] Nguyễn Thị Yến Nam (2014). Bước đầu tìm hiểu về quản lý tài chính trong giáo dục đại học theo hướng tự chủ. *Tạp chí Khoa học*, 2014, no 54, p. 155.
- [5] Nguyễn Anh Tuấn (2024). Tự chủ tài chính trong các trường đại học của Việt Nam: Thực trạng và những khuyến nghị. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 2024, vol. 20, no 3, p. 9-14.
- [6] Lê Đức Ngọc, Phạm Hương Thảo (2016). Đảm bảo thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội cho hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. *VNU Journal of Science: Education Research*, 2016, vol. 32, no 3.
- [7] Nguyễn Anh Tuấn, Đào Thị Kim Cúc (2018). Tiêu chí đánh giá quyền tự chủ đại học: một nghiên cứu đề xuất dựa trên bảng điểm của hiệp hội các trường đại học châu Âu và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Giáo dục đại học năm 2018. *Tạp chí Giáo dục*, 2022, vol. 22, no 4, p. 1-4.
- [8] Phạm Hùng Hiệp, Phan Thị Thanh Thảo, Phạm Thị Oanh (2023). Phân tích chính sách tự chủ đại học Việt Nam từ góc nhìn của Lý thuyết quản lý công mới (New Public Management-NPM). *Tạp chí Giáo*

*dục*, 2023, p. 34-40.

- [9] Berg, Carin (1993). Quyền tự chủ của trường đại học và đảm bảo chất lượng. *Giáo dục đại học ở châu Âu*, 1993, tập 18, số 3, trang 18-26.
- [10] Karstanje, Peter (1999), et al. Quyền tự chủ của trường học và kiểm soát chất lượng bên ngoài. Trong: Một vấn đề của Châu Âu. Các bài báo của Hội nghị ENIRDEM. Budapest. 1999.
- [11] Sánchez-Chaparro, Teresa, Gómez-Frías, Víctor, Et González-Benito, Óscar (2020). Ý nghĩa cạnh tranh của quá trình đảm bảo chất lượng trong giáo dục đại học. Trường hợp giáo dục đại học về kỹ thuật ở Pháp. *Nghiên cứu kinh tế-Ekonomska istraživanja*, 2020, tập. 33, số 1, tr. 2825-2843.
- [12] Van Vught, F. A. Et Westerheijden, Don F (1993). Quản lý chất lượng và đảm bảo chất lượng trong giáo dục đại học châu Âu: Phương pháp và cơ chế. Ủy ban Cộng đồng châu Âu, 1993.
- [13] Estermann, Thomas, Nokkala, Terhi, et STEINEL, Monika (2011). Quyền tự chủ của trường đại học ở Châu Âu II. Bảng điểm. Brussels: Hiệp hội đại học Châu Âu, 2011.
- [14] Mai Anh Ngọc (2022). Tác động của quyền tự chủ đến xếp hạng đại học ở Đức, Pháp và Trung Quốc. *Giáo dục đại học cho tương lai*, 2022, tập 9, số 1, tr. 75-92.

### ABSTRACT

#### **Analysis of quality assurance mechanism and educational autonomy A Comparative study on higher education management between France and Vietnam**

In France, the quality accreditation system is organized independently, transparently, and effectively, with criteria that meet international standards. Universities are granted a high level of autonomy in academics, finance, personnel, and organization, helping to improve training quality, research capacity, and adaptability to market demands. In Vietnam, despite reforms in accreditation and educational autonomy, the system still faces many challenges such as lack of independence, limited resources, and dependence on state management agencies. The study recommends that Vietnam learn from France's experience to improve the accreditation system, increase educational autonomy, and contribute to improving training quality and international integration.

**Keywords:** *Quality assessment; educational autonomy; educational management; university education.*